



shǔn xī

吮吸

verb · to suck

Example Sentences

tā zài shǔn xī guǒ zhī

他在吮吸果汁。

He is sucking juice.

wén zǐ yòng kǒu qì shǔn xī dòng wù de xuè yè

蚊子用口器吮吸动物的血液。

Mosquitoes use their mouthparts to suck animals' blood.

zhí wù tōng guò gēn bù shǔn xī tǔ rǎng zhōng de shuǐ fēn hé kuàng wù zhì

植物通过根部吮吸土壤中的水分和矿物质。

Plants suck water and minerals from the soil through their roots.

Trace each character, then write the word on your own.

吮	吮	吮	吮	吮	吮	吮	吮	吮	吮		
吸	吸	吸	吸	吸	吸	吸	吸	吸	吸		